

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-7-2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Thanh Chiếu
2. Ông Hứa Trọng Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Phước Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T; địa chỉ: ấp M1, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T1; địa chỉ: ấp P, xã M2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Năm 2005, anh T và chị Nguyễn Thị T1 tổ chức đám cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 09/9/2005. Sau khi kết hôn, anh T và chị T1 sống chung tại ấp M1, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2010, anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên anh T và chị T1 không còn sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay.

Trong thời gian hôn nhân, anh T và chị T1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 30-5-2004. Hiện tại cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động bình thường. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chấp hành chưa nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1; về con chung, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T khởi kiện chị Nguyễn Thị T1 để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết con chung do con chung đã thành niên nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh T và chị T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 09-9-2005 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Như vậy, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T1 theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày sau khi kết hôn, anh T và chị T1 có khoảng thời gian sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2010, do bất đồng quan điểm nên anh T và chị T1 thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc dẫn đến không còn sống chung và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T và chị T1 để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng chị T1 không đến và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, anh T và chị T1 có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 30-5-2004, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động bình thường. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh T đã thay đổi nội dung khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm, anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006176 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Luân**